



THÔNG SỐ SẢN PHẨM VF EC VAN

PHÒNG ĐÀO TẠO KINH DOANH TOÀN CẦU
THÁNG 05/2025





VF EC VAN HOÀN TOÀN MỚI TIỆN DỤNG - SINH LỜI

Kích thước nhỏ gọn
linh hoạt phù hợp
với mọi điều kiện
trong đô thị

Chi phí vận hành
siêu tối ưu



Mở bán
25/05 – 30/05/2025
Ưu đãi 10 tr
Giá bán: 285.000.000 đ/
305.000.000 đ

**ĐẶT CỌC NGAY -
NHẬN ƯU ĐÃI LỚN**

HOTLINE: 1900 23 23 89



Hình ảnh xe là phiên bản tiền thương mại.
Phiên bản thương mại có thể có một số điểm khác biệt.
Các thông tin sản phẩm có thể thay đổi mà không cần báo trước.

NỘI DUNG

1. NGOẠI THẤT & NỘI THẤT
2. VẬN HÀNH & KHUNG GẦM
3. TIỆN NGHI
4. AN TOÀN & AN NINH
5. SO SÁNH SẢN PHẨM



01

NGOẠI THẤT & NỘI THẤT

KÍCH THƯỚC



← 2.520 mm →
← 3.767 mm →



1.790 mm

← 1.680 mm →

- ✓ Khoảng sáng gầm xe: **165 mm**
- ✓ Dung tích khoang hành lý **2.6 m³** tương đương **2600 lít**
- ✓ Tải trọng: **>600 kg**



BẢNG MÀU NGOẠI THẤT



Trắng – White Van



Đỏ - Red Van



Xanh Ngọc – Jade Van



Vàng – Yellow Van



SẢN PHẨM HOÀN TOÀN MỚI

ECVAN

Đèn pha
halogen



La-zăng
14 inch



THIẾT KẾ NGOẠI THẤT

- ✓ Hệ thống đèn pha: Halogen
- ✓ Đèn định vị: đèn tròn (Halogen)
- ✓ Đèn hậu: đèn tròn (Halogen)
- ✓ Đèn hiệu báo trạng thái ở cổng sạc: Có
- ✓ Kính cửa sổ điện:
 - Tiêu chuẩn: Cơ/OPT chỉnh điện
 - Nâng cao: Chỉnh điện
- ✓ Gạt mưa trước: chỉnh cơ – 2 chế độ
- ✓ Đóng/mở cốp sau: chỉnh cơ
- ✓ Tấm bảo vệ dưới thân xe: AFS - Từ Xưởng DV



KHÁM PHÁ NGAY



1900 23 23 89

vinfastauto.com/vn_vi

*Hình ảnh xe phiên bản tiền thương mại.
Phiên bản thương mại có thể có một số điểm khác biệt.
Các thông tin sản phẩm có thể thay đổi mà không cần báo trước.

NỘI THẤT



- ✓ 2 chỗ ngồi
- ✓ Ghế lái bọc nỉ, chỉnh cơ 4 hướng, tích hợp tựa đầu
- ✓ Ghế phụ bọc nỉ, chỉnh cơ 2 hướng, tích hợp tựa đầu

02

THÔNG SỐ VẬN HÀNH

PHIÊN BẢN	EC VAN
Loại pin	LFP
Dung lượng pin khả dụng	17 kWh
Quãng đường chạy một lần sạc đầy (NEDC)	150 km
Công suất tối đa	30 kW [40 hp]
Momen xoắn cực đại	110 Nm
Tốc độ tối đa – duy trì 1 phút	75 km/h khi dung lượng pin >50% với mọi điều kiện thời tiết
Công suất sạc DC tối đa	19.4 kW
Thời gian nạp pin nhanh nhất (10% – 70%)	42 phút
Hệ thống làm mát pin cao áp	Làm mát bằng khí



VẬN HÀNH

- ✓ Dẫn động: cầu sau (RWD)
- ✓ Hệ thống phanh tái sinh: Có
- ✓ Hệ thống treo:
 - Treo trước: Độc lập MacPherson
 - Treo sau: Nhíp lá
- ✓ Kích thước lốp và la-zăng: 175/80R14 XL
 - vành thép
- ✓ Trợ lực lái điện:
 - Tiêu chuẩn: Không
 - Nâng cao: OPT (Có)
- ✓ Cần số: tích hợp sau vô lăng
- ✓ Phanh tay: Cơ



03

TRANG BỊ TIỆN NGHI

TIỆN NGHI



- ✓ Màn hình thông tin sau vô lăng: Có
- ✓ Hệ thống điều hòa:
 - Chỉ có quạt gió
 - OPT: Điều hòa chỉnh cơ
- ✓ Lọc không khí cabin: Lọc bụi
- ✓ Hệ thống loa: 1 loa (Nâng cao: 2 loa)
- ✓ Cổng USB: 1 cổng type A
- ✓ Tầm che nắng: Có (bên lái)
- ✓ Chìa khóa: Cơ
- ✓ Khóa cửa trung tâm
 - Tiêu chuẩn: OPT
 - Nâng cao: Có
- ✓ Khóa cửa xe tự động khi xe di chuyển:
 - Tiêu chuẩn: OPT
 - Nâng cao: Có (5kph)



04

AN TOÀN & AN NINH

AN TOÀN & AN NINH



- ✓ Hệ thống phanh trước/ sau: Đĩa calip nổi/phanh tang trống
- ✓ Hệ thống chống bó cứng phanh ABS
- ✓ Chức năng phân phối lực phanh điện tử EBD
- ✓ Chức năng kiểm soát lực kéo TCS
- ✓ Đèn báo phanh khẩn cấp ESS



05

SO SÁNH SẢN PHẨM

GIÁ BÁN, CHI PHÍ SỬ DỤNG

VinFast Minivan vượt trội về việc tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận cho khách hàng



	VINFAST EC Van (phiên bản tiêu chuẩn)	VINFAST EC Van (phiên bản nâng cao)	SUZUKI Blind Van	THACO TF420 2S	DONGBEN X30-V2
Giá niêm yết	285.000.000 VNĐ	305.000.000 VNĐ	294.448.000 VNĐ	290.000.000 VNĐ	263.000.000 VNĐ
Giá lăn bánh	307.040.700 VNĐ	327.040.700 VNĐ	337.688.956 VNĐ	322.920.700 VNĐ	303.976.700 VNĐ
Mức tiêu thụ năng lượng (tiêu thụ nhiên liệu)	10,71 kWh/100km	10,71 kWh/100km	6 lít/100km	10 lít/100km	8 lít/100km
Chi phí sử dụng hàng tháng	1.967.580 VNĐ (*)	1.967.580 VNĐ (*)	5.184.000 VNĐ (đắt hơn 163% so với VinFast)	8.640.000 VNĐ (đắt hơn 338% so với VinFast)	6.912.000 VNĐ (đắt hơn 251% so với VinFast)
Tổng chi phí sử dụng 5 năm (= Giá lăn bánh + Chi phí năng lượng)	385.743.900 VNĐ	405.743.900 VNĐ	648.728.956 VNĐ (đắt hơn 68% so với VinFast)	851.320.700 VNĐ (đắt hơn 120% so với VinFast)	718.696.700 VNĐ (đắt hơn 86% so với VinFast)
Dung tích hàng hóa tối đa (lít)	2.600	2.600	2.569	4.339	3.917
Chi phí/ dung tích hàng hóa (= Tổng chi phí sử dụng 5 năm / Dung tích hàng hóa tối đa)	148.363 VNĐ	156.055 VNĐ	252.501 VNĐ (đắt hơn 70% so với VinFast)	196.206 VNĐ (đắt hơn 32% so với VinFast)	183.459 VNĐ (đắt hơn 24% so với VinFast)

(*) Ghi chú: VinFast miễn phí sạc đến ngày 30/6/2027. Chi phí sử dụng hàng tháng của VinFast Minivan được tính sau khi kết thúc miễn phí sạc, trong thời gian sử dụng 5 năm.

GIÁ BÁN, CHI PHÍ SỬ DỤNG



VinFast Minivan vận hành ở khu vực nội đô trong mọi khung giờ, đáp ứng các nhu cầu chuyển chở đa dạng của khách hàng

	VINFAST EC Van (phiên bản tiêu chuẩn)	VINFAST EC Van (phiên bản nâng cao)	SUZUKI Blind Van	THACO TF420 2S	DONGBEN X30-V2
Tải trọng hàng hóa (kg)	600	600	580	945	930
Hà Nội	Lưu thông nội thành ngoài giờ cao điểm			Chỉ được hoạt động từ 9h tối hôm trước – 6h sáng hôm sau	
Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu thông nội thành ngoài giờ cao điểm		Lưu thông nội thành ngoài giờ cao điểm		

SO SÁNH SẢN PHẨM



VinFast EC Van cung cấp giải pháp chuyên chở hàng hóa cạnh tranh (thể tích khoang hàng & tải trọng lớn); mang đến sự yên tâm (phanh ABS) & thoải mái (trợ lực điện) trong quá trình vận hành

	VINFAST EC Van (phiên bản tiêu chuẩn)	VINFAST EC Van (phiên bản nâng cao)	SUZUKI Blind Van	THACO TF420 2S	DONGBEN X30-V2
Kích thước tổng thể (mm) (Dài x Rộng x Cao)	3.767 x 1.680 x 1.790	3.767 x 1.680 x 1.790	3.290 x 1.395 x 1.780	4.200 x 1.690 x 2.000	4.200 x 1.695 x 1.900
Chiều dài cơ sở (mm)	2.520	2.520	1.840	2.700	2.700
Công suất tối đa	30	30	31	79	80
Mô-men xoắn tối đa	110	110	68	141	215
Dung tích khoang hàng (lít)	2.600	2.600	2.569	4.339	3.917
Tải trọng hàng hóa (kg)	> 600	> 600	580	945	930
An toàn (Phanh ABS)	Có	Có	Không	Có	Không
Tiện nghi (Trợ lực lái)	Tùy chọn trợ lực điện	Trợ lực điện	Trợ lực thủy lực	Trợ lực điện	Trợ lực điện
Bảo hành xe mới	5 năm/130.000 km	5 năm/130.000 km	3 năm/100.000 km	3 năm/100.000 km	3 năm/100.000 km
Bảo hành pin (theo xe)	7 năm/160.000 km	7 năm/160.000 km	Không có do là xe xăng	Không có do là xe xăng	Không có do là xe xăng

Questions	Answers
Có camera lùi sẵn trong XDV để lắp không	Không có màn hình, chưa có KH lắp thêm cam
Pin có thể điều chỉnh tăng thêm không	Chưa có KH phát triển pin lớn hơn. Nhưng khả thi – có thể MY change thêm phiên bản
Xe ra biển trắng hay biển vàng?	Tùy chọn phụ thuộc vào nhu cầu khách hàng
Kích thước thùng xe?	DxRxC: 1450 x 1470 x 1220
Niên hạn sử dụng của xe	25 năm theo Luật pháp xe vận tải
Thời gian xe giao, xe trưng bày?	Dự kiến là tháng 11 sẽ có xe giao
Full tải sẽ chạy được bao nhiêu	150 km – theo NEDC đo tại nửa tải
Trợ lực lái của bản tiêu chuẩn là gì?	Bản tiêu chuẩn ko có trợ lực lái
Có lắp điều hòa ngoài không?	Cần chi tiết điều hòa loại nào? - Loại tích hợp dàn gió trong nắp lô – chỉ VF làm tại nhà máy - Loại 24V – 1 cục trên trần...ko xác nhận từ hãng
Bản nâng cấp có hỗ trợ tính năng khởi hành ngang dốc hay không ?	Tính năng khởi hành ngang dốc ở các xe VF hiện nay được định nghĩa: - Khi dừng tại dốc, nhả chân phanh -> xe sẽ tính toán góc nghiêng và điều chỉnh động cơ sinh công để giữ xe không trôi trong vòng 2-3s để sau đó: (1) nếu có creep mode => xe sẽ trườn lên ; (2) khách đạp ga ga lên. (3) Nếu ko có 2 cái trên sẽ bị tụt dốc - Riêng VF3 – Khi dừng ngang dốc – sẽ apply phanh tay điện tử để hold xe, khi ga lên, phanh tay nhả từ từ hỗ trợ khởi hành. Trường hợp ko đạp ga, để creep mode thì (1) ở Eco mode, creep rất yếu sẽ bị tụt xe (tùy độ dốc), (2) ở Normal mode – hầu hết xe tự bò lên tốt. - Đối với MiniVan đang KHÔNG có phanh tay điện tử, lại nặng (khi có tải) CTX tiếp tục nghiên cứu phương án hỗ trợ Khởi hành ngang dốc hiệu quả nhất mà tiết kiệm chi phí - > Hiện F/L để Không, nhưng sẽ cập nhật khi khả thi.

Thank you!

